PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2011/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011*

THÔNG TƯ

Quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định trình tự, cách thức, điều kiện và thời hạn thực hiện việc:

1. Cấp giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (bao gồm: dịch vụ không lưu, dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát, dịch vụ khí tượng, dịch vụ thông báo tin tức hàng không, dịch vụ tìm kiếm cứu nạn hàng không), giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay.

2. Cấp mã số, địa chỉ kỹ thuật của hệ thống kỹ thuật, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát.

3. Cấp giấy chứng nhận hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay được sản xuất hoặc cải tiến tại Việt Nam.

4. Cấp giấy phép, năng định cho nhân viên hàng không bảo đảm hoạt động bay.

5. Cấp giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không bảo đảm hoạt động bay.

6. Phê duyệt tài liệu hướng dẫn khai thác của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

7. Phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng.

8. Phê duyệt kế hoạch tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập tìm kiếm cứu nạn của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép, giấy chứng nhận và quyết định phê duyệt

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong hồ sơ đề nghị.

2. Nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

3. Gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 4. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

1. Cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 10, giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục 11, phê duyệt theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật về lưu trữ.

4. Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép, giấy chứng nhận hoặc quyết định phê duyệt.

Điều 5. Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, quyết định phê duyệt liên quan đến hoạt động khai thác dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

Tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, quyết định phê duyệt liên quan đến hoạt động khai thác dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong các trường hợp sau đây:

1. Không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Vi phạm các quy định của pháp luật về việc tuân thủ các yêu cầu, điều kiện trong hoạt động khai thác dịch vụ bảo đảm hoạt động.

Chương II
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

Điều 6. Điều kiện cấp giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Có bộ máy tổ chức phù hợp với dịch vụ mà tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đề nghị.

2. Có đủ hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép khai thác theo quy định.

3. Đội ngũ nhân viên bảo đảm hoạt động bay có giấy phép, chứng chỉ còn hiệu lực, phù hợp với vị trí công tác.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục trang bị, thiết bị, hệ thống kỹ thuật của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đã được cấp phép.

3. Danh sách nhân viên được cấp giấy phép làm việc tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay phù hợp với số lượng nhân viên quy định tại tài liệu hướng dẫn khai thác.

4. Bản sao văn bản phê duyệt tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

Điều 8. Cấp lại giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Trong những trường hợp sau đây, doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay với Cục Hàng không Việt Nam:

a) Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay bị mất, rách hoặc bị tiêu hủy;

b) Thay đổi Tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đề nghị;

c) Thay đổi Tên cơ sở, địa chỉ của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong giấy phép được cấp;

d) Thay đổi mục đích, phạm vi, phương thức cung cấp dịch vụ, chế độ hoạt động, tổ chức bộ máy của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

đ) Phục hồi và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (áp dụng trong trường hợp giấy phép bị thu hồi theo quy định tại Điều 5 Thông tư này).

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản gốc giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (nếu có).

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực tài liệu liên quan đến nội dung quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này.

4. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trong trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Riêng trường hợp tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này, phải sau 05 năm kể từ ngày bị thu hồi mới được phép làm thủ tục cấp lại giấy phép.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị phê duyệt tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Hồ sơ phê duyệt lần đầu, bao gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Dự thảo tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Những sửa đổi, bổ sung đối với tài liệu hướng dẫn khai thác, bảo dưỡng đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt, người đề nghị phải làm hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung. Hồ sơ đề nghị, bao gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay phần đề nghị sửa đổi, bổ sung.

Điều 10. Thời hạn cấp, cấp lại giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hướng dẫn khai thác

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và quyết định việc cấp giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay cho tổ chức đề nghị.

2. Trường hợp từ chối đơn đề nghị, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức biết và nêu rõ lý do.

3. Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hoạt động trong trường hợp vi phạm các quy định tại Điều 5 Thông tư này.

4. Thời hạn giải quyết thủ tục cấp lại giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay được quy định như sau:

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định của người đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm cấp lại giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và ban hành quyết định phê duyệt mới hoặc phê

duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay hàng không dân dụng. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu người đề nghị hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

6. Trong quá trình kiểm tra, thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu người đề nghị cung cấp các thông tin hoặc tài liệu để làm rõ các vấn đề liên quan.

Chương III

CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC HỆ THỐNG KỸ THUẬT, THIẾT BỊ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

Điều 11. Danh mục hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép khai thác trước khi đưa vào khai thác

1. Hệ thống kỹ thuật, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát, bao gồm:

a) Đài thu phát sóng cực ngắn không - địa bằng thoại hoặc bằng dữ liệu, hoặc bằng thoại và dữ liệu;

b) Đài thu phát sóng ngắn không - địa bằng thoại hoặc bằng dữ liệu;

c) Hệ thống chuyển điện văn tự động mạng viễn thông cố định hàng không;

d) Hệ thống xử lý điện văn dịch vụ không lưu mạng viễn thông hàng không;

đ) Hệ thống chuyển mạch thoại;

e) Thiết bị ghi âm;

g) Đài dẫn đường vô hướng;

h) Đài dẫn đường đa hướng sóng cực ngắn;

i) Đài đo cự ly bằng vô tuyến;

k) Hệ thống hạ cánh bằng thiết bị;

l) Hệ thống tăng cường độ chính xác tín hiệu vệ tinh dẫn đường, đặt trên mặt đất;

m) Hệ thống ra đa giám sát sơ cấp;

n) Hệ thống ra đa giám sát thứ cấp;

o) Hệ thống xử lý dữ liệu ra đa; Hệ thống xử lý dữ liệu bay;

p) Hệ thống đèn tín hiệu, biển báo tại cảng hàng không, sân bay;

q) Hệ thống thông báo tự động tại khu vực sân bay.

2. Hệ thống quản lý không lưu tự động.

3. Hệ thống tự động hóa dịch vụ thông báo tin tức hàng không.

4. Hệ thống kỹ thuật, thiết bị khí tượng hàng không, bao gồm:

a) Hệ thống quan trắc khí tượng;

b) Hệ thống đo đạc, cảnh báo hiện tượng gió đứt;

c) Hệ thống ra đa thời tiết;

d) Hệ thống thu ảnh mây vệ tinh khí tượng;

đ) Hệ thống thu thập, xử lý số liệu khí tượng cơ bản;

e) Hệ thống thu sản phẩm dự báo thời tiết toàn cầu;

g) Hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng hàng không;

h) Các thiết bị tại vườn quan trắc khí tượng.

Điều 12. Điều kiện cấp giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay

1. Hệ thống kỹ thuật, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không được cấp giấy phép khai thác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn do Cục Hàng không Việt Nam quy định hoặc thừa nhận phù hợp với tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế;

b) Có giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện do Cục Tần số vô tuyến điện thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông cấp đối với thiết bị phát sóng vô tuyến điện;

c) Có tài liệu khai thác, bảo dưỡng của hệ thống kỹ thuật, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (nếu tài liệu bằng tiếng Anh phải đảm bảo nhân viên hiểu và khai thác được tài liệu);

d) Có thiết bị dự phòng và nguồn điện đáp ứng quy định tại Điều 17, Điều 18 của Quyết định số 14/2007/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không dân dụng;

đ) Có biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; đối với hệ thống đèn tín hiệu sân bay, sơ đồ bản vẽ hoàn công;

e) Có mã số địa chỉ, kỹ thuật của hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát (nếu có) do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

g) Có phương thức bay được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt đối với hệ thống, thiết bị dẫn đường;

h) Có thiết bị ghi và lưu trữ theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 14/2007/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không dân dụng;

i) Đối với thiết bị phù trợ dẫn đường, giám sát hàng không được đầu tư, lắp đặt mới, phải có biên bản kết quả bay kiểm tra, hiệu chuẩn nghiệm thu và đạt tiêu chuẩn đưa vào khai thác được Cục Hàng không Việt Nam công nhận; trường hợp điều chuyển thiết bị dẫn đường vô hướng để lắp đặt tại vị trí khác, được phép sử dụng kết quả bay kiểm tra của tàu bay thương mại để xem xét đưa vào khai thác;

k) Có đường truyền dẫn, điều khiển xa và thiết bị có liên quan phù hợp với yêu cầu khai thác thiết bị.

2. Hệ thống tự động hóa dịch vụ thông báo tin tức hàng không được cấp giấy phép khai thác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn chung của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế;

b) Có biên bản bàn giao, nghiệm thu kỹ thuật;

c) Có tài liệu khai thác, bảo dưỡng của hệ thống tự động hóa dịch vụ thông báo tin tức hàng không bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (nếu tài liệu bằng tiếng Anh phải đảm bảo nhân viên hiểu và khai thác được tài liệu).

3. Hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị khí tượng hàng không nêu trên chỉ được cấp giấy phép khai thác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Thông tư số 19/TT-BGTVT ngày 08 tháng 9 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về khí tượng hàng không dân dụng;

b) Biên bản bàn giao, nghiệm thu kỹ thuật;

c) Thiết bị dự phòng;

d) Có giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện do Cục Tần số vô tuyến điện thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông cấp đối với thiết bị phát sóng vô tuyến điện;

đ) Có giấy chứng nhận kỹ thuật do Cục Hàng không Việt Nam cấp đối với hệ thống kỹ thuật, thiết bị khí tượng hàng không được sản xuất hoặc cải tiến tại Việt Nam (nếu có);

e) Có tài liệu khai thác, bảo dưỡng của hệ thống kỹ thuật, thiết bị khí tượng hàng không bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (nếu tài liệu bằng tiếng Anh phải đảm bảo nhân viên hiểu và khai thác được tài liệu).

Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo giải trình về hệ thống kỹ thuật, thiết bị phù hợp với dịch vụ bảo đảm hoạt động bay mà tổ chức cung cấp;

c) Báo cáo giải trình về năng lực khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống, thiết bị phù hợp;

d) Bản sao giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện do Cục Tần số vô tuyến điện thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông cấp đối với thiết bị phát sóng vô tuyến điện.

2. Doanh nghiệp phải làm thủ tục cấp lại giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay với Cục Hàng không Việt Nam trong những trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi nội dung của giấy phép khai thác đã được cấp;

b) Khi doanh nghiệp tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép;

c) Phục hồi và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay (áp dụng trong trường hợp giấy phép bị thu hồi theo quy định tại Điều 5 Thông tư này);

d) Giấy phép hết hạn hiệu lực.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo giải trình việc cải tạo, nâng cấp hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay;

c) Bản sao biên bản kết quả bay kiểm tra hiệu chuẩn, kết quả kiểm định mới nhất của hệ thống kỹ thuật, thiết bị (áp dụng đối với hệ thống, thiết bị phải bay kiểm tra hiệu chuẩn, kiểm định, bao gồm cả việc cải tạo, nâng cấp hệ thống kỹ thuật, thiết bị);

d) Bản sao giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện do Cục Tần số vô tuyến điện thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông cấp đối với thiết bị phát sóng vô tuyến điện.

4. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Thời hạn cấp, cấp lại giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay

1. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và quyết định việc cấp giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay cho tổ chức đề nghị.

Trong quá trình kiểm tra và đánh giá hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu tổ chức cung cấp các thông tin hoặc tài liệu để làm rõ các vấn đề liên quan.

2. Trường hợp từ chối đơn đề nghị, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức biết và nêu rõ lý do.

3. Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay có thời hạn hiệu lực 02 năm và chấm dứt hoạt động trong trường hợp vi phạm các quy định tại Điều 5 Thông tư này.

4. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư này, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm cấp lại giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay.

Chương IV

CẤP, GIA HẠN GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY

Điều 15. Chức danh nhân viên quản lý hoạt động bay

Chức danh nhân viên quản lý hoạt động bay (sau đây gọi tắt là nhân viên), bao gồm:

1. Nhân viên không lưu;

2. Huấn luyện viên không lưu;

3. Nhân viên thông báo tin tức hàng không;

4. Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không;

5. Nhân viên khí tượng hàng không;

6. Nhân viên điều độ, khai thác bay;

7. Nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng;

8. Nhân viên tìm kiếm cứu nạn hàng không.

Điều 16. Điều kiện cấp giấy phép, năng định cho nhân viên

Cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây được cấp giấy phép nhân viên:

1. Là công dân Việt Nam đủ 21 tuổi trở lên, không có tiền án hoặc đang chấp hành bản án hình sự hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Có chứng chỉ chuyên môn về chuyên ngành quản lý hoạt động bay phù hợp (đối với nhân viên thiết kế phương thức bay phải có chứng chỉ tốt nghiệp khóa đào tạo thiết kế phương thức bay) do Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ nhân viên bảo đảm hoạt động bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận;

3. Có chứng chỉ ngôn ngữ tiếng Anh trình độ tối thiểu phù hợp với chuyên ngành dịch vụ bảo đảm hoạt động bay được phân công. Riêng nhân viên không lưu sử dụng liên lạc vô tuyến và nhân viên khai thác liên lạc vô tuyến sóng ngắn không - địa phải có trình độ tiếng Anh mức 4, nhân viên thông báo tin tức hàng không có trình độ tiếng Anh mức 3 do cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh cho nhân viên được Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận theo quy định tại Phụ ước 1 của Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế;

4. Có thời gian huấn luyện và thực tập tối thiểu là 12 tháng đối với nhân viên không lưu; 09 tháng đối với nhân viên thông báo tin tức hàng không, nhân viên

khí tượng hàng không; 03 tháng đối với nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát và nhân viên điều độ, khai thác bay. Riêng đối với nhân viên thiết kế phương thức bay phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm là nhân viên thông tin dẫn đường hàng không hoặc lái tàu bay, kiểm soát viên không lưu và đã tham gia thực tập thiết kế 02 phương thức bay sử dụng thiết bị;

5. Có giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của cơ sở y tế được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận áp dụng đối với nhân viên không lưu, nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát thực hiện nhiệm vụ bay hiệu chuẩn;

6. Tham dự và đạt kết quả của kỳ kiểm tra để cấp giấy phép, năng định nhân viên quản lý hoạt động bay.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép, năng định nhân viên

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, năng định cho nhân viên, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép nhân viên của tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (kèm theo danh sách) theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp để đối chiếu;

d) Bản sao kết quả huấn luyện phù hợp;

đ) Bản gốc giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực do cơ sở y tế giám định sức khỏe được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận (áp dụng đối với nhân viên không lưu, nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát thực hiện nhiệm vụ bay hiệu chuẩn);

e) 02 ảnh cỡ 3 x 4 được chụp trong khoảng thời gian 06 tháng trước khi nộp hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên trong trường hợp giấy phép hết hạn hiệu lực, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên của tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (kèm theo danh sách) theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao kết quả huấn luyện phù hợp;

d) Bản gốc giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực do cơ sở y tế giám định sức khỏe được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận (áp dụng đối với nhân viên không lưu và nhân viên bay kiểm tra hiệu chuẩn);

đ) 02 ảnh cỡ 3 x 4 được chụp trong khoảng thời gian 06 tháng trước khi nộp hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên trong trường hợp giấy phép bị mất, bị rách hoặc bị hỏng, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên của tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (kèm theo danh sách) theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản gốc hoặc bản sao giấy phép nhân viên (nếu có);

d) 02 ảnh cỡ 3 x 4 được chụp trong khoảng thời gian 06 tháng trước khi nộp hồ sơ.

4. Hồ sơ gia hạn năng định nhân viên, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn năng định nhân viên của tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (kèm theo danh sách) theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép cho nhân viên theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao kết quả huấn luyện gần nhất;

d) Bản gốc giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực do cơ sở y tế giám định sức khỏe được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận (áp dụng đối với nhân viên không lưu và nhân viên bay kiểm tra hiệu chuẩn).

Điều 18. Thời hạn cấp, gia hạn giấy phép, năng định nhân viên

1. Nhân viên nộp hồ sơ cấp lại giấy phép, gia hạn năng định trước 30 ngày tính đến ngày hết hạn của giấy phép, năng định.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và cấp giấy phép, năng định cho nhân viên.

3. Giấy phép nhân viên có hiệu lực 07 năm kể từ ngày ký và vô hiệu trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Năng định có trong giấy phép nhân viên hết hạn hiệu lực.

4. Thời hạn hiệu lực của năng định nhân viên:

a) 24 tháng đối với nhân viên điều độ, khai thác bay; nhân viên không lưu thực hiện nhiệm vụ huấn luyện viên không lưu; nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không (trừ những người thực hiện nhiệm vụ khai thác liên lạc vô tuyến sóng ngắn không - địa và những người thực hiện nhiệm vụ bay kiểm tra hiệu chuẩn);

b) 12 tháng đối với các nhân viên hàng không khác.

5. Thời hạn giải quyết thủ tục cấp lại giấy phép, năng định nhân viên

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định của người đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

Chương V

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG TRONG LĨNH VỰC BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

Điều 19. Điều kiện cấp giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay

Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay cho tổ chức đáp ứng các điều kiện sau:

1. Cơ sở vật chất và trang bị, thiết bị:

a) Lớp học đủ hệ thống chiếu sáng, thông thoáng phù hợp với khí hậu địa phương, vệ sinh và đảm bảo cho sức khỏe;

b) Trang bị, thiết bị huấn luyện và tài liệu cần thiết để tiến hành các khóa huấn luyện mà tổ chức được phê chuẩn.

2. Trang bị, thiết bị huấn luyện phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đối với kiểm soát viên không lưu, nhân viên hiệp đồng thông báo bay: hệ thống huấn luyện giả định và phần mềm giảng dạy về kiểm soát tiếp cận, kiểm soát

tại sân, kiểm soát đường dài bằng ra đa và không ra đa; phòng luyện nghe tiếng Anh đáp ứng tiêu chuẩn quy định;

b) Đối với huấn luyện nhân viên khai thác kỹ thuật thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không, nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát: thiết bị thực tập kỹ thuật điện, điện tử; thiết bị thực tập kỹ thuật số - vi xử lý, thiết bị thực tập viễn thông chuyên ngành; thiết bị thực tập truyền số liệu bằng điện tử; thiết bị thực tập khai thác hệ thống;

c) Đối với huấn luyện nhân viên thông báo tin tức hàng không: mô hình hệ thống thiết bị thông báo tin tức hàng không tự động và hệ thống quản lý, khai thác điện văn thông báo hàng không tự động; thiết bị chuyển - nhận điện văn tự động; thiết bị đầu cuối thực hiện chức năng của mạng viễn thông cố định hàng không và chức năng máy chủ;

d) Đối với huấn luyện nhân viên khí tượng hàng không: mô hình ra đa thời tiết, thiết bị đo gió đứt, hệ thống quan trắc khí tượng tự động phục vụ hàng không, hệ thống thu ảnh mây vệ tinh, hệ thống thu sản phẩm dự báo toàn cầu, hệ thống máy điền đồ, hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng, đầu cuối mạng viễn thông cố định hàng không;

đ) Đối với huấn luyện nhân viên điều độ, khai thác bay: mô hình hệ thống cấu trúc tàu bay, phần mềm về điều hành khai thác bay; mô hình hệ thống thiết bị thông báo tin tức hàng không tự động; thiết bị chuyển - nhận điện văn tự động, các tài liệu cần thiết khác phù hợp với yêu cầu của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế;

e) Đối với huấn luyện nhân viên thiết kế phương thức bay: Phòng thực hành huấn luyện xây dựng phương thức bay, các tài liệu cần thiết khác phù hợp với yêu cầu của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

3. Nội dung chương trình huấn luyện:

a) Nội dung chương trình cho mỗi khóa huấn luyện;

b) Các quy định tối thiểu về thiết bị huấn luyện tương ứng với mỗi giáo trình giảng dạy đã được phê chuẩn;

c) Trình độ tối thiểu của huấn luyện viên;

d) Các chương trình huấn luyện cấp chứng chỉ chuyên môn; chương trình huấn luyện làm quen, phục hồi, chuyển loại, định kỳ; chương trình bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn.

4. Huấn luyện viên phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Chứng chỉ sư phạm dạy nghề;

b) 05 năm kinh nghiệm đối với chuyên ngành tham gia huấn luyện;

c) Giấy phép huấn luyện viên đúng chuyên ngành.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay

1. Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nghiệp vụ nhân viên có hiệu lực 36 tháng và được cấp lại khi:

a) Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực;

b) Có những thay đổi liên quan đến quyền sở hữu đối với tổ chức;

c) Có những thay đổi về giáo trình giảng dạy, chương trình huấn luyện và trang thiết bị của cơ sở huấn luyện.

2. Hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nghiệp vụ nhân viên, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chứng thực các tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

c) Bản sao chương trình huấn luyện và giáo trình giảng dạy phù hợp với nội dung đề nghị;

d) Báo cáo về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác huấn luyện;

đ) Danh sách huấn luyện viên chuyên ngành hàng không kèm theo bản sao chứng thực văn bằng, chứng chỉ phù hợp.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nghiệp vụ nhân viên, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tình hình huấn luyện của Tổ chức trong thời hạn hoạt động của giấy chứng nhận đã được cấp;

c) Báo cáo giải trình về những thay đổi kèm theo các tài liệu được sửa đổi, bổ sung.

Điều 21. Thời hạn cấp, cấp lại giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam hoàn thành việc thẩm định và cấp cho người đề nghị giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện nghiệp vụ nhân viên bảo đảm hoạt động bay.

Trường hợp hồ sơ đề nghị chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu người đề nghị hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy chứng nhận do hết hạn hiệu lực.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định đối với trường hợp được quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 20 Thông tư này.

Chương VI

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH TÌM KIẾM, CỨU NẠN, KHẨN NGUY SÂN BAY, KẾ HOẠCH DIỄN TẬP CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

Điều 22. Hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay có trách nhiệm lập, xây dựng kế hoạch tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Quyết định số 26/2007/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế tìm kiếm, cứu nạn hàng không dân dụng. Hồ sơ đề nghị, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt kế hoạch tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Dự thảo kế hoạch tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, kế hoạch tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy sân bay, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung kế hoạch tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu sửa đổi, bổ sung kế hoạch tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay.

Điều 23. Thời hạn phê duyệt kế hoạch tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy sân bay

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và quyết định việc phê duyệt, phê duyệt sửa đổi kế hoạch tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch đào tạo, huấn luyện diễn tập cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy sân bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính đầy đủ theo quy định của hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức biết và thời gian phê duyệt được tính từ khi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức họp thẩm định với các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Căn cứ vào kết quả thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam quyết định phê duyệt lần đầu hoặc phê duyệt sửa đổi, bổ sung kế hoạch tìm kiếm, cứu nạn, khẩn nguy sân bay, kế hoạch diễn tập cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tìm kiếm cứu nạn, khẩn nguy sân bay.

Trong quá trình kiểm tra và đánh giá hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các thông tin hoặc tài liệu để làm rõ các vấn đề liên quan.

Chương VII

THỦ TỤC PHÊ DUYỆT PHƯƠNG THỨC BAY, ẤN PHẨM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN MÃ SỐ, ĐỊA CHỈ KỸ THUẬT CỦA HỆ THỐNG THIẾT BỊ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

Điều 24. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng, bao gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản thống kê chướng ngại vật trong khu vực có bán kính 55 km tính từ thiết bị dẫn đường sử dụng để xây dựng phương thức;

c) Bản báo cáo về các dữ liệu về sân bay và thiết bị dẫn đường;

d) Bản sao tài liệu các sơ đồ: xác định độ cao an toàn tối thiểu trong các phân khu, chi tiết các giai đoạn của phương thức bay thể hiện trên bản đồ địa hình hàng không tỷ lệ 1:250.000; chi tiết giai đoạn tiếp cận chót, tiếp cận hụt của phương thức tiếp cận thể hiện trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 100.000;

đ) Đối với phương thức tiếp cận chính xác, ngoài các sơ đồ quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, phải bổ sung: bản sao sơ đồ chi tiết giai đoạn tiếp cận chót, tiếp cận hụt thể hiện trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 100.000 hoặc 1: 50.000; bản sao thống kê, đánh giá các chướng ngại vật trong giai đoạn tiếp cận chính xác theo mặt phẳng nhận dạng chướng ngại vật, mô hình đánh giá rủi ro và các mặt phẳng cơ bản của phương thức hệ thống hạ cánh bằng thiết bị;

e) Sơ đồ toàn bộ phương thức bay theo tỷ lệ 1: 250.000;

g) Các tham số được sử dụng để tính toán và các bước tính toán trong quá trình xây dựng phương thức bay;

h) Bản thuyết minh quy trình xây dựng phương thức bay hàng không dân dụng;

i) Bản tổng hợp ý kiến của tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu và tổ chức thông báo tin tức hàng không về đề nghị phê duyệt phương thức bay (kèm theo văn bản xin ý kiến của tổ chức, cá nhân đề nghị).

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung phương thức bay hàng không dân dụng, bao gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung phương thức bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao các tài liệu liên quan đến đề nghị sửa đổi, bổ sung phương thức bay;

c) Báo cáo đánh giá an toàn đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung phương thức bay hàng không dân dụng.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và phê duyệt mới hoặc phê duyệt sửa đổi, bổ sung phương thức bay hàng không dân dụng.

Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính đầy đủ theo quy định của hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo

quy định, Cục Hàng không Việt Nam thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức biết và thời gian phê duyệt được tính từ khi hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức họp thẩm định với các tổ chức, tổ chức có liên quan. Căn cứ vào kết quả thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định phê duyệt mới hoặc phê duyệt sửa đổi, bổ sung phương thức bay hàng không dân dụng. Trong quá trình kiểm tra, thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu tổ chức cung cấp các thông tin hoặc tài liệu để làm rõ các vấn đề liên quan.

Điều 25. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phát hành các ấn phẩm thông báo tin tức hàng không

1. Các tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không có trách nhiệm soạn thảo, trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt các ấn phẩm thông báo tin tức hàng không, bao gồm: tập thông báo tin tức hàng không, tu chỉnh tập thông báo tin tức hàng không, bổ sung tập thông báo tin tức hàng không, thông tri hàng không và điện văn thông báo hàng không theo các quy định tại Chương III, Chương IV, Chương V Quyết định số 21/2007/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế thông báo tin tức hàng không. Hồ sơ đề nghị, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt, phát hành ấn phẩm thông báo tin tức hàng không theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Dự thảo ấn phẩm thông báo tin tức hàng không.

2. Thời hạn trả kết quả được quy định như sau:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tập tu chỉnh tập thông báo tin tức hàng không, bổ sung tập thông báo tin tức hàng không, sơ đồ, bản đồ hàng không;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tu chỉnh tập thông báo tin tức hàng không, bổ sung tập thông báo tin tức hàng không theo chu kỳ kiểm soát và điều chỉnh tin tức hàng không;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt thông tri hàng không;

d) Trong ngày Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt điện văn thông báo hàng không.

3. Trong những trường hợp bất khả kháng, doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ thông báo tin tức hàng không thực hiện theo trình tự sau:

a) Phát điện văn thông báo hàng không;

b) Báo cáo sơ bộ về Cục Hàng không Việt Nam qua điện thoại;

c) Báo cáo chi tiết bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Cục Hàng không Việt Nam trong thời gian sớm nhất.

Điều 26. Hồ sơ đề nghị cấp mã số, địa chỉ kỹ thuật của hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát

1. Cục Hàng không Việt Nam là cơ quan quản lý, cấp mã số, địa chỉ kỹ thuật của hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát theo danh mục quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định số 14/2007/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không dân dụng. Hồ sơ đề nghị, bao gồm: văn bản đề nghị cấp mã số, địa chỉ kỹ thuật của hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam sẽ cấp giấy chứng nhận mã số, địa chỉ kỹ thuật của hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát.

Điều 27. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay được sản xuất hoặc cải tiến tại Việt Nam

1. Hồ sơ đề nghị, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay được sản xuất hoặc cải tiến tại Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chứng thực hồ sơ thiết kế, bao gồm: thuyết minh mô tả sản phẩm; tiêu chuẩn áp dụng; bản vẽ thiết kế;

c) Bản sao chứng thực hồ sơ kiểm tra - thử nghiệm tại cơ sở thử nghiệm được phê chuẩn;

d) Bản sao chứng thực hướng dẫn lắp đặt, quy trình sản xuất, bản mô tả đặc tính kỹ thuật sản phẩm, bản mô tả sản phẩm;

đ) Bản sao chứng thực biên bản thử nghiệm sản phẩm đã được lắp đặt thử nghiệm thực tế trong 12 tháng và kết quả thử nghiệm là đạt yêu cầu.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và quyết định việc cấp giấy chứng nhận khai thác trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay được sản xuất hoặc cải tiến tại Việt Nam cho tổ chức đề nghị.

Trong quá trình kiểm tra và đánh giá hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu tổ chức cung cấp các thông tin hoặc tài liệu để làm rõ các vấn đề liên quan.

3. Trường hợp từ chối đơn đề nghị, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức biết và nêu rõ lý do.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Cục Hàng không Việt Nam:

1. Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Tổng hợp và báo cáo Bộ Giao thông vận tải những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện để nghiên cứu, giải quyết kịp thời.

Điều 29. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này 14 Phụ lục sau đây:

a) Phụ lục 1: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

b) Phụ lục 2: Mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

c) Phụ lục 3: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay;

d) Phụ lục 4: Mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay;

đ) Phụ lục 5: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay được sản xuất hoặc cải tiến tại Việt Nam;

e) Phụ lục 6: Mẫu đơn đề nghị phê duyệt phương thức bay hàng không dân dụng;

g) Phụ lục 7: Mẫu đơn đề nghị phê duyệt tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay hàng không dân dụng;

h) Phụ lục 8: Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép, năng định/cấp lại giấy phép/gia hạn năng định cho nhân viên hàng không quản lý hoạt động bay;

i) Phụ lục 9: Mẫu đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay;

k) Phụ lục 10: Mẫu giấy phép áp dụng cho cá nhân; mẫu giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay; mẫu giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

l) Phụ lục 11: Mẫu giấy chứng nhận;

m) Phụ lục 12: Mẫu phê duyệt;

n) Phụ lục 13: Mẫu tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

o) Phụ lục 14: Mẫu văn bản của tổ chức.

3. Bãi bỏ các Điều 21, Điều 28, Điều 37 Quyết định số 14/2007/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không dân dụng; Điều 17, Điều 61, Điều 62 Quyết định số 21/2007/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành quy chế thông báo tin tức hàng không; Điều 12, Điều 67 Quyết định số 32/2007/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chế không lưu hàng không dân dụng; Điều 41, Điều 42, Điều 46, Điều 47 Thông tư số 19/2009/TT-BGTVT ngày 08 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về khí tượng hàng không dân dụng; Điều 6 Thông tư số 28/2009/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phương thức bay hàng không dân dụng.

4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày.... tháng.... năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tổ chức đề nghị:..... địa chỉ:.....

.....

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay cho:

1. Cơ sở: .....

Địa chỉ (*Bưu điện, AFTN)*: .....

2. Mục đích (*cung cấp dịch vụ)*:.....

3. Phạm vi (*nêu rõ tên dịch vụ)*: .....

4. Phương thức cung cấp dịch vụ: .....

5. Chế độ hoạt động *(24/24h/ban ngày/theo yêu cầu)*:.....

6. Ngày đưa vào khai thác *(đối với cơ sở mới)*: .....

7. Các giới hạn khai thác *(nếu có):*.....

Các tài liệu kèm theo:

- .....;
- .....;
- .....

Nơi nhận:	**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
-	
- Lưu VT,..... (..b).	

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày.... tháng..... năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tổ chức đề nghị:..... địa chỉ:.....

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động cho:

1. Cơ sở: .....

Địa chỉ (*Bưu điện, AFTN)*: .....

2. Mục đích (*cung cấp dịch vụ)*:.....

3. Phạm vi (*cung cấp dịch vụ)*:.....

4. Phương thức cung cấp dịch vụ: .....

5. Chế độ hoạt động *(24/24h/ban ngày/theo yêu cầu)*:.....

6. Các giới hạn khai thác *(nếu có):*.....

7. Lý do xin đề nghị cấp lại *(bị hư hỏng, bị mất):*.....

Các tài liệu kèm theo: *(chỉ bổ sung phần thay đổi nếu có)*

- .....;
- .....;
- .....

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu VT,..... (..b)	**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.....	*....., ngày.... tháng..... năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tổ chức đề nghị:..... địa chỉ:.....

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay như sau:

1. Tên hệ thống kỹ thuật, thiết bị:.....
2. Mục đích sử dụng: .....
3. Phạm vi hoạt động (*bán kính/khu vực)*:.....
4. Kiểu loại thiết bị: .....
5. Số sản xuất:..... (máy chính);..... (máy dự phòng);
6. Nơi sản xuất:..... Năm sản xuất: .....
7. Các tính năng kỹ thuật chính của hệ thống kỹ thuật, thiết bị *(Cấu hình đơn/kép hoặc chính/dự phòng, thoại/dữ liệu, tần số/kênh, phân cực, loại điều chế, tốc độ quay ăng-ten, công suất phát, v.v)*: .....
8. Mã số, địa chỉ kỹ thuật: .....
9. Địa điểm/tọa độ đặt thiết bị *(đối với hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát):* .....
10. Thời gian hoạt động hàng ngày *(24/24h/ban ngày/theo yêu cầu)*:
11. Phương thức khai thác (*tự động/bán tự động, tại chỗ/từ xa)*:
12. Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động *(đối với hệ thống kỹ thuật, thiết bị mới)*:

Các tài liệu kèm theo:

- .....

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu VT,..... (..b)	**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	....., *ngày.... tháng.... năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tổ chức đề nghị:..... địa chỉ: .....
.....

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay như sau:

1. Tên hệ thống kỹ thuật, thiết bị:.....
2. Mục đích sử dụng: .....
3. Phạm vi hoạt động (*bán kính/khu vực)*:.....
4. Kiểu loại thiết bị:
5. Số sản xuất:.....(máy chính);..... (máy dự phòng);
6. Nơi sản xuất:..... Năm sản xuất: .....
7. Các tính năng kỹ thuật chính của hệ thống kỹ thuật, thiết bị *(Cấu hình đơn/kép hoặc chính/dự phòng, thoại/dữ liệu, tần số/kênh, phân cực, loại điều chế, tốc độ quay ăng-ten, công suất phát, v.v)*: .....
8. Mã số, địa chỉ kỹ thuật: .....
9. Địa điểm/tọa độ đặt thiết bị *(đối với hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát):* .....
10. Thời gian hoạt động hàng ngày *(24/24h/ban ngày/theo yêu cầu)*: .....
11. Phương thức khai thác (*tự động/bán tự động, tại chỗ/từ xa)*: .....
12. Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động *(đối với hệ thống kỹ thuật, thiết bị mới)*:.....

Các tài liệu kèm theo:

- .....

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu VT,..... (..b)	**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../.....	*....., ngày.... tháng.... năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay được sản xuất hoặc cải tiến tại Việt Nam

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tổ chức đề nghị:..... địa chỉ: .....

.....

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay được sản xuất hoặc cải tiến tại Việt Nam như sau:

1. Nhà sản xuất: .....
2. Sản phẩm: .....
3. Phạm vi áp dụng: .....
4. Kiểu loại thiết bị: .....
5. Các tính năng kỹ thuật chính của hệ thống kỹ thuật, thiết bị

Các tài liệu kèm theo:

- .....
- .....

Nơi nhận:	**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
-	
- Lưu VT,.....(..b)	

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../.....	*....., ngày.... tháng.... năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt phương thức bay Hàng không dân dụng

(áp dụng phê duyệt mới/hoặc sửa đổi, bổ sung)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tổ chức đề nghị:..... địa chỉ: .....

.....

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam ban hành *(hoặc sửa đổi, bổ sung)* phương thức bay HKDD sử dụng thiết bị (ILS, VOR/DME, NDB).

1. Phương thức bay sử dụng thiết bị:.....
2. Khu vực (*triển khai phương thức bay)*:.....
3. Chế độ sử dụng *(24/24h/ban ngày/theo yêu cầu)*:.....
4. Ngày đưa vào khai thác: .....
5. Các giới hạn khai thác *(nếu có)*:.....

Các tài liệu kèm theo:

- .....
- .....

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu VT,.....(..b)

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày.... tháng.... năm 20.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt tài liệu hướng dẫn khai thác của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay hàng không dân dụng

(áp dụng phê duyệt mới/hoặc sửa đổi, bổ sung)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tổ chức đề nghị:..... địa chỉ:.....

.....

đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt mới hoặc sửa đổi, bổ sung Tài liệu hướng dẫn khai thác của Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay hàng không dân dụng.

1. Tên tài liệu hướng dẫn khai thác của Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay hàng không dân dụng (nêu rõ loại hình dịch vụ) hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

2. Văn bản giải trình xây dựng/sửa đổi, bổ sung Tài liệu hướng dẫn khai thác của Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay hàng không dân dụng.

3. Ngày dự kiến đưa vào sử dụng:.....

Các tài liệu kèm theo:

- .....
- .....

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu VT,.....(..b)	**TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN CẤP PHÉP:	**SỐ GIẤY PHÉP: /CHK**
	NĂNG ĐỊNH: / / /HIỆU LỰC ĐẾN: / /

Ảnh 3 x 4	**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** **ĐƠN ĐỀ NGHỊ** **CẤP GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH/CẤP LẠI GIẤY PHÉP/GIA HẠN NĂNG ĐỊNH CHO NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY**

PHẦN 1. HƯỚNG DẪN ĐIỀN MẪU ĐƠN		
Điền hoặc đánh dấu vào ô trống	☐ CẤP MỚI GIẤY PHÉP (Điền phần 2, 3, 4, 5, 6) ☐ CẤP LẠI GIẤY PHÉP (Điền phần 2, 3, 4, 5, 6)	☐ CẤP MỚI NĂNG ĐỊNH (Điền phần 2, 3, 4, 5, 6, 7) ☐ GIA HẠN NĂNG ĐỊNH (Điền phần 2, 3, 4, 5, 6, 8) *(Ghi chú: Năng định đổi,cấp thêm được hiểu là cấp mới)*

PHẦN 2. THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Số Giấy phép *(nếu đã được cấp)*:	
Năng định *(nếu đã được cấp)*:	
Họ và tên: *(Đề nghị điền bằng chữ in hoa)*	Ngày sinh: / /
Quốc tịch:	**Nơi sinh:**
Chức danh:	
Vị trí công tác:	
Địa chỉ thường trú:	
Địa chỉ bưu điện *(nếu khác biệt)*:	
Mobile:	**Điện thoại NR:**
Email:	
Ngày kiểm tra sức khỏe mức 3 (Class 3 Medical Examination): / / **Ngày hết hạn chứng chỉ sức khỏe mức 3** (Class 3 Medical Certificate): / / *(Đối với những đối tượng cần kiểm tra sức khỏe)*	**Mức độ thành thạo tiếng Anh** (English language proficiency endorsement) ☐ Mức 3 ☐ Mức 5 ☐ Mức 4 ☐ Mức 6 **Cơ sở đánh giá**: **Ngày đánh giá:** / / *(Đối với những nhân viên cần phải đáp ứng mức độ thành thạo tiếng Anh hàng không)*

PHẦN 3. CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	
Tên cơ quan, đơn vị:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	**Fax:**

PHẦN 4. CÁC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ CÓ LIÊN QUAN				
Học viện/Trường	**Thời gian**		**Bằng/Chứng chỉ**	**Chuyên ngành**
	Từ tháng/ năm	**Đến tháng/ năm**		

PHẦN 5. CÁC KHÓA HUẤN LUYỆN CHUYÊN MÔN				
Tổ chức/Doanh nghiệp	**Thời gian**		**Chứng chỉ/ Kết quả**	**Chuyên ngành/ Khóa huấn luyện**
	Từ tháng/ năm	**Đến tháng/ năm**		

PHẦN 6. LOẠI GIẤY PHÉP ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI/CẤP LẠI		
☐ Nhân viên không lưu ☐ Nhân viên TBTTHK	☐ Nhân viên khí tượng ☐ Nhân viên TT-DĐ-GS	☐ Nhân viên điều độ khai thác bay

PHẦN 7. LOẠI NĂNG ĐỊNH ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI

PHẦN 8. LOẠI NĂNG ĐỊNH ĐỀ NGHỊ GIA HẠN	
STT	**Gia hạn**

Tôi xin cam đoan những thông tin khai ở trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

	....., ngày.... tháng.... năm....
XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ *(Ký và đóng dấu)*	**NGƯỜI LÀM ĐƠN** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN HÀNG KHÔNG TRONG LĨNH VỰC BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

1. Chi tiết về đơn vị, tổ chức

Tên đơn vị, tổ chức.....
Địa chỉ.....
Mã số bưu điện.....
Số điện thoại..... Số Fax.....
Thư điện tử..... Trang Web.....
Loại hình doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận.....
Chi tiết về trụ sở đơn vị.....

2. Tổ chức các khóa huấn luyện

Các khóa huấn luyện cấp phép và năng định:
.....
.....

3. Mô hình tổ chức quản lý của tổ chức huấn luyện hàng không

Chức danh	Tên	Số giấy phép (nếu áp dụng)
Phụ trách huấn luyện		
Giáo viên hướng dẫn huấn luyện		

Các chức danh khác (nếu áp dụng):.....	
4. Trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện	
Kích thước và chú thích của người lập kế hoạch có thể trình thay cho việc giải trình theo yêu cầu sau:	
Kiểu loại Phòng học lý thuyết/Phòng máy Phòng thực hành thiết bị huấn luyện Các tiện nghi khác	- Vị trí, kích thước, số lượng các phòng học - Loại thiết bị huấn luyện
5. Hồ sơ, tài liệu đệ trình bao gồm:	
Đánh dấu vào ô thích hợp Đính kèm Bản sao chứng thực Chương trình huấn luyện..... Tài liệu huấn luyện..... ..... Mẫu hồ sơ huấn luyện..... Danh sách giáo viên huấn luyện kèm theo văn bằng chứng chỉ phù hợp.....	
6. Cam kết	
Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật. Tôi xin xác nhận những người có tên nêu trên tuân thủ theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay. Chữ ký..... Ngày tháng năm Họ tên..... Chức vụ:	
7. HƯỚNG DẪN NỘP ĐƠN Nộp mẫu đơn đã hoàn thiện về: **Cục Hàng không Việt Nam** **Số 119 phố Nguyễn Sơn - quận Long Biên - thành phố Hà Nội**	

Phụ lục 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

A. Mẫu Giấy phép áp dụng chung cho cá nhân

1. Trang 1:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM

GIẤY PHÉP

.....
.....

Giấy phép số:
Licence no:

2. Trang 2:

		Giấy phép số: Licence no:
	1. Họ và tên: Full name: **2. Ngày sinh:** Date of birth:	
	3. Nơi sinh: Place of birth: **4. Địa chỉ:** Address: **5. Quốc tịch:** Nationality	
- Ngày cấp: Date of issue: **- Chữ ký người được cấp:** Signature of holder	**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM	

3. Trang 3:

1. Giấy phép số: Licence no:			
2. Chuyên môn được phê chuẩn và hiệu lực của Giấy phép kèm theo giám định y khoa (đối với nhân viên không lưu và nhân viên bay kiểm tra hiệu chuẩn) Ratings including a valid medical certificate.			
Ngày cấp Date of issue	**Chức năng** Function	**Hạn đến** Valid until	**Phê chuẩn** Approval/Stamp

4. Trang 4:

- Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép này theo Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và tuân thủ theo Phụ ước 1 Công ước Hàng không dân dụng quốc tế. This Licence is issued by the Civil Aviation Administration of Vietnam in accordance with Law on Civil aviation of Vietnam and Annex 1 to Convention on international civil aviation. - Giấy phép này có giá trị sử dụng trong 07 năm và có thể bị tạm giữ hoặc thu hồi khi người được cấp Giấy phép vi phạm các quy định về hàng không dân dụng hoặc các quy định khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người được cấp Giấy phép này chỉ có quyền thực hiện các chức năng chuyên môn đã được phê chuẩn. This Licence shall be re-issued not latter than 7 years from the date of issue. It may be suspended or canceled for violation on provisions of the civil aviation regulations and other regulations of the Socialist Republic of Vietnam. The holder of this Licence shell be entitled to exercise the privileges specified herein.

5. Trang 5

1. Giấy phép số: Licence no:	
2. Ghi chú của Cục Hàng không Việt Nam Remarks of Civil Aviation Administration of Vietnam	
Ngày... tháng... năm... Date... month... year...	**Nội dung và họ tên người ghi** Contents of remarks

B. Mẫu Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP-CHK	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20.....*

GIẤY PHÉP
KHAI THÁC HỆ THỐNG KỸ THUẬT, THIẾT BỊ
BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

(Có giá trị đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ.....;

Xét hồ sơ xin cấp giấy phép của Tổ chức..... và đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho: Tổ chức.....; địa chỉ:..... được khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay với các chi tiết ấn định như sau:

1. Tên thiết bị:
2. Mục đích sử dụng:
3. Phạm vi hoạt động:
4. Kiểu thiết bị:
5. Số sản xuất: (máy chính); (máy dự phòng)
6. Nơi sản xuất:.....; Năm sản xuất:.....
7. Tính năng kỹ thuật chính:
8. Mã số, địa chỉ kỹ thuật:
9. Địa điểm/tọa độ đặt thiết bị *(Tọa độ áp dụng cho thiết bị dẫn đường, giám sát)*
10. Thời gian hoạt động:
11. Các giới hạn *(nếu có)*:

Điều 2. Tổ chức..... có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về.....
- Bảo đảm an toàn khai thác thiết bị.

Nơi nhận: - Như Điều 1; - ..... - Lưu: VT,....	**CỤC TRƯỞNG** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

C. Mẫu Giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP-CHK	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20.....*

GIẤY PHÉP
KHAI THÁC CHO CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ
BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY
(Có giá trị đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn.....

Xét hồ sơ xin cấp giấy phép của Tổ chức..... và đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho: Tổ chức.....; địa chỉ:..... khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay với các chi tiết ấn định như sau:

1. a) Cơ sở:.....; Địa chỉ *(bưu điện, AFTN)*:.....

b) Cơ sở::.....; Địa chỉ *(bưu điện, AFTN)*:.....

.....

2. Mục đích:.....

3. Phạm vi:.....

4. Chế độ hoạt động:.....

5. Ngày đưa vào khai thác:.....

6. Các giới hạn *(nếu có)*:.....

Điều 2. Tổ chức..... có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về.....
- Bảo đảm an toàn khai thác cơ sở bảo đảm hoạt động bay.

Nơi nhận: - Như Điều 1; - ..... - Lưu: VT,....	**CỤC TRƯỞNG** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP-CHK	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20.....*

GIẤY CHỨNG NHẬN

.....

(Có giá trị đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn.....

Xét hồ sơ xin cấp giấy phép của Tổ chức..... và đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận cho: Tổ chức.....; địa chỉ:.....

đủ điều kiện:..... với:

1. Nội dung:.....

.....

2. Các giới hạn *(nếu có)*:.....

.....

Điều 2. Tổ chức..... có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về.....
- Bảo đảm an toàn khai thác.....

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- .....
- Lưu: VT,....

Phụ lục 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP-CHK	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20.....*

PHÊ DUYỆT

.....

(Có giá trị đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn.....

Xét hồ sơ xin cấp giấy phép của Tổ chức..... và đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt cho: Tổ chức.....; địa chỉ:.....

đủ điều kiện:..... với:

1. Nội dung:.....

.....

2. Các giới hạn *(nếu có)*:.....

Điều 2. Tổ chức..... có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về.....
- Bảo đảm an toàn khai thác.....

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

.....

Nơi nhận: - Như Điều 1; - ..... - Lưu: VT,....	**CỤC TRƯỞNG** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KHAI THÁC CỦA CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

(ANS Operations Manual Model)

Phần chung: Quản lý tu chỉnh của tài liệu, Mục lục, Quyết định ban hành

Chương 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng

1.2. Cơ sở pháp lý và tài liệu tham chiếu

1.3. Quy ước viết tắt (*sử dụng trong tài liệu)*

1.4. Giải thích thuật ngữ (*sử dụng trong tài liệu)*

1.5. Các quy định chung khác (Phân cấp quản lý, đơn vị quản lý cấp trên, trách nhiệm thực hiện, tu chỉnh Tài liệu hướng dẫn này, v.v, *nếu cần thiết)*

Chương 2. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Mục 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC

2.1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở (Trưởng cơ sở, Phó trưởng cơ sở, các Đội/Tổ/Bộ phận, các nhân viên khác)

2.2. Cơ cấu tổ chức kíp trực

2.3. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ sở

2.4. Trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng/Phó trưởng cơ sở

2.5. Trách nhiệm, quyền hạn của Đội/Tổ/Bộ phận

2.6. Trách nhiệm, quyền hạn của Đội trưởng/Tổ trưởng/Trưởng bộ phận

2.7. Trách nhiệm của các vị trí trực và các nhân viên khác

Mục 2

QUẢN LÝ KÍP TRỰC

2.8. Tổ chức trực (chế độ trực, các vị trí trực)

2.9. Giao ca, nhận ca và duy trì ca trực

2.10. Quy định về chuyển giao trách nhiệm ca trực

2.11. Kiểm tra, giám sát ca trực

Mục 3

LƯU TRỮ VĂN BẢN TÀI LIỆU

2.12. Danh mục văn bản tài liệu lưu trữ

2.13. Chế độ, vị trí, người lưu trữ

2.14. Chế độ kiểm tra

Chương 3. VỊ TRÍ LÀM VIỆC VÀ KHAI THÁC SỬ DỤNG HỆ THỐNG KỸ THUẬT, TRANG BỊ VÀ THIẾT BỊ

Mục 1

VỊ TRÍ LÀM VIỆC

3.1. Mô tả cơ sở hạ tầng

3.2. Các vị trí làm việc, khu nghỉ giữa giờ và các vị trí liên quan khác *(nếu có)*

3.3. Bảng hiệu, ký hiệu liên quan, di chuyển trong khu vực làm việc *(nếu cần thiết)*

3.4. Nội quy ra, vào cơ sở, vị trí làm việc, tiếp đón khách tham quan.

3.5. Quy định, hướng dẫn khác *(nếu có)*

Mục 2

KHAI THÁC SỬ DỤNG HỆ THỐNG KỸ THUẬT, TRANG BỊ VÀ THIẾT BỊ

3.6. Danh mục các hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị sử dụng

3.7. Mô tả tóm tắt bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, đường truyền *(nếu có)*

3.8. Tóm tắt tính năng khai thác, các sản phẩm của hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị.

3.9. Cách khai thác sử dụng các hệ thống, trang bị, thiết bị và các ứng dụng (*có thể xây dựng chi tiết hoặc tham chiếu tài liệu liên quan đã sẵn có)*

3.10. Quy định về phối hợp xử lý khi có hỏng hóc, trục trặc kỹ thuật

3.11. Các quy định, hướng dẫn khác (*nếu cần thiết)*

Chương 4. PHƯƠNG THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

4.1. Mô tả khu vực trách nhiệm *(kèm sơ đồ nếu có)*

4.2. Đối tượng cung cấp dịch vụ

4.3. Mô tả nội dung cung cấp dịch vụ, các phương thức khai thác và các quy định/lưu ý khác *(nếu cần thiết)*

4.4. Hiệp đồng/hợp đồng cung cấp dịch vụ (khu vực, đối tượng, nội dung, cách tiến hành, thiết bị sử dụng, v.v.) kèm Phụ lục liên quan

4.5. Phương thức xử lý các trường hợp bất thường trong quá trình cung cấp dịch vụ

4.6. Các giới hạn/điểm cần lưu ý

Chương 5. QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP

5.1. Nhận hoặc truy cập mạng để nhận tin tức/số liệu/sơ đồ/sản phẩm;

5.2. Kiểm tra, phân tích xử lý;

5.3. Lập số liệu/sơ đồ/điện văn/sản phẩm;

5.4. Thao tác hiệp đồng/hợp đồng;

5.5. Phát/chuyển giao số liệu/điện văn;

5.6. Thao tác lưu trữ, xóa bỏ số liệu/điện văn/sản phẩm;

5.7. Thao tác xử lý các trường hợp bất thường;

5.8. Lập Nhật ký công tác, báo cáo, số liệu, v.v.

Ghi chú: *Tổ chức, cá nhân có thể sử dụng một cách thích hợp phần nội dung tại các tài liệu ISO đã sẵn có tại cơ sở.*

Chương 6. HUẤN LUYỆN VÀ GIẤY PHÉP

6.1. Loại hình huấn luyện

6.2. Chương trình huấn luyện định kỳ hàng năm/quý/tháng, huấn luyện đột xuất

6.3. Nội dung của chương trình huấn luyện

6.4. Thời gian huấn luyện

6.5. Tài liệu huấn luyện

6.6. Cách thức tiến hành

6.7. Quy định về báo cáo, hồ sơ huấn luyện

6.8. Hướng dẫn, lưu ý về việc cấp, gia hạn giấy phép.

Chương 7. LẬP BÁO CÁO, TỔNG HỢP SỐ LIỆU VÀ SẢN PHẨM

7.1. Các loại báo cáo phải lập, bộ phận/nhân viên thực hiện, thời gian thực hiện

7.2. Các loại số liệu tổng hợp, bộ phận/nhân viên thực hiện, thời gian thực hiện

7.3. Các loại sản phẩm lưu trữ

Các Chương khác *(tùy theo yêu cầu và thực tế khai thác của từng cơ sở)*

Các phụ lục:

Phụ lục: Sơ đồ tổ chức khối của cơ sở

Phụ lục: Sơ đồ bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, đường truyền *(nếu có)*

Phụ lục: Sơ đồ khu vực trách nhiệm cung cấp dịch vụ của cơ sở *(nếu có)*

Phụ lục: Tên gọi, địa chỉ liên hệ của các đầu mối có mối quan hệ hiệp đồng *(nếu có)*

Phụ lục: Các mẫu biểu sổ giao, nhận ca trực; Nhật ký công tác, mẫu báo cáo số liệu, mẫu lưu trữ số liệu, v.v.

Phụ lục: Các văn bản hiệp đồng/hợp đồng liên quan

Các phụ lục khác (nếu có).

Phụ lục 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../.....	*....., ngày.... tháng.... năm 20.....*

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận văn bản).....

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị)....., (tên cơ quan/đơn vị đề nghị)..... đề nghị (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)..... xem xét, giải quyết/thông báo một số nội dung sau:

1.

2.

3. (các nội dung đề nghị xem xét, giải quyết/thông báo)

.....

.....

* Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan/đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để liên hệ làm việc với cơ quan/đơn vị nhận công văn.

Trân trọng cảm ơn./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....
- Lưu VT,.....(..b)

Ghi chú: Nếu văn bản có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.